

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH TÂY NINH**

Số: 1969 /QĐ-UBND

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Tây Ninh, ngày 09 tháng 9 năm 2020

QUYẾT ĐỊNH

**Phê duyệt đồ án quy hoạch phân khu tỷ lệ 1/2.000 Trung tâm Logistics,
cảng cạn ICD và cảng tổng hợp tại xã Hưng Thuận,
thị xã Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH TÂY NINH

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Xây dựng ngày 18 tháng 6 năm 2014;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 37 Luật có liên quan đến quy hoạch ngày 20 tháng 11 năm 2018;

Căn cứ Nghị định số 44/2015/NĐ-CP ngày 06 tháng 5 năm 2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số nội dung về quy hoạch xây dựng;

Căn cứ Thông tư số 12/2016/TT-BXD ngày 29 tháng 6 năm 2016 của Bộ Xây dựng quy định về hồ sơ của nhiệm vụ và đồ án quy hoạch xây dựng vùng, quy hoạch đô thị và quy hoạch xây dựng khu chức năng đặc thù;

Căn cứ Thông tư số 22/2019/TT-BXD ngày 31 tháng 12 năm 2019 của Bộ Xây dựng ban hành Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về quy hoạch xây dựng QCVN 01:2019/BXD;

Căn cứ Nghị quyết số 06/2020/NQ-HĐND ngày 31 tháng 7 năm 2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh Tây Ninh về thay đổi quy mô, địa điểm và số lượng dự án, công trình trong cùng một loại đất trong điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất đến năm 2020, kế hoạch sử dụng đất kỳ cuối (2016-2020) tỉnh Tây Ninh và chấp thuận bổ sung danh mục dự án cần thu hồi đất năm 2020 trên địa bàn tỉnh Tây Ninh;

Căn cứ Quyết định số 1750/QĐ-UBND ngày 12 tháng 07 năm 2018 của UBND tỉnh về việc phê duyệt đồ án quy hoạch chung xây dựng đô thị Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh đến năm 2035, tỷ lệ 1/10.000;

Căn cứ Công văn số 1480/BGTVT-KHĐT ngày 24 tháng 02 năm 2019 của Bộ Giao thông vận tải về chấp thuận điều chỉnh, bổ sung quy hoạch luồng đường thủy nội địa và cụm cảng đường thủy nội địa tại tỉnh Tây Ninh;

Căn cứ Công văn số 1494/BGTVT-KHĐT ngày 24 tháng 02 năm 2019 của Bộ Giao thông vận tải về chấp thuận điều chỉnh năng lực thông qua hàng hóa cảng cạn Thanh Phước và bổ sung cảng cạn Hưng Thuận thuộc tỉnh Tây Ninh;

Căn cứ Quyết định số 1315/QĐ-UBND ngày 30 tháng 6 năm 2020 của UBND tỉnh về việc phê duyệt nhiệm vụ quy hoạch phân khu tỷ lệ 1/2.000 Trung tâm Logistics và Xây dựng cảng tổng hợp, xã Hưng Thuận, thị xã Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh;

Căn cứ Công văn số 6411/VP-TKTH ngày 04/9/2020 của Văn phòng Đoàn ĐBQH, HĐND và UBND tỉnh thông báo kết luận cuộc họp Ủy ban nhân dân tỉnh;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Xây dựng tại Tờ trình số 2833/TTr-SXD ngày 08/9/2020 phê duyệt đồ án quy hoạch phân khu tỷ lệ 1/2000 Trung tâm Logistic, cảng cạn ICD và cảng tổng hợp tại xã Hưng Thuận, thị xã Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt đồ án quy hoạch phân khu với các nội dung chính sau đây

- Tên đồ án: Quy hoạch phân khu tỷ lệ 1/2.000 Trung tâm Logistics, cảng cạn ICD và cảng tổng hợp tại xã Hưng Thuận, thị xã Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh thuộc dự án Quy hoạch phân khu Hưng Thuận, thị xã Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh tỷ lệ 1/5.000.

- Địa điểm quy hoạch: Xã Hưng Thuận, thị xã Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh.

I. PHẠM VI, QUY MÔ VÀ MỤC TIÊU QUY HOẠCH

1. Phạm vi ranh giới, quy mô lập quy hoạch

a) Phạm vi, ranh giới lập quy hoạch phân khu:

- Phía Bắc, Đông Nam: Giáp sông Sài Gòn; Công ty TNHH Thực phẩm Miền Đông;
- Phía Tây Nam: Giáp khu dân cư trên ĐT 789 (khoảng lùi 60 m so với lộ giới quy hoạch đường ĐT 789) và đường tỉnh ĐT 789;
- Phía Tây Bắc: Giáp đường Hồ Chí Minh.

b) Quy mô lập quy hoạch là 259,22 ha. Quy mô lao động, dân số dự báo 1.500 người.

2. Mục tiêu lập quy hoạch

- Quy hoạch phân khu Trung tâm Logistics, cảng cạn ICD và cảng tổng hợp tại xã Hưng Thuận được lập để thu hút đầu tư dự án theo Nghị quyết số 06/2020/NQ-HĐND ngày 31/7/2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh Tây Ninh về thay đổi quy mô, địa điểm và số lượng dự án, công trình trong cùng một loại đất trong điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất đến năm 2020, kế hoạch sử dụng đất kỳ cuối (2016-2020) tỉnh Tây Ninh và chấp thuận bổ sung danh mục dự án cần thu hồi đất năm 2020 trên địa bàn tỉnh Tây Ninh.

- Quy hoạch phân khu tỷ lệ 1/2.000 Trung tâm Logistics, cảng cạn ICD và cảng tổng hợp tại xã Hưng Thuận, thị xã Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh là một phần của nội dung nghiên cứu quy hoạch phân khu Hưng Thuận, thị xã Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh tỷ lệ 1/5.000; các định hướng hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng xã hội và nhà ở xã hội, nhà ở tái định cư sẽ được nghiên cứu tại quy hoạch phân khu Hưng Thuận, thị xã Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh tỷ lệ 1/5.000.

II. NỘI DUNG QUY HOẠCH

1. Tính chất

Là khu phức hợp đa chức năng, có hạ tầng kỹ thuật và công nghệ hiện đại thuộc khu vực vùng Thành phố Hồ Chí Minh, gồm các chức năng: Trung tâm Logistics, cảng cạn ICD và cảng tổng hợp được lập quy hoạch xây dựng tại xã Hưng Thuận, thị xã Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh để thu hút đầu tư dự án.

2. Các chỉ tiêu kinh tế kỹ thuật, dân số, hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng xã hội

Chỉ tiêu kinh tế kỹ thuật, dân số, đất đai, hạ tầng xã hội, hạ tầng kỹ thuật theo nhiệm vụ phê duyệt tại Quyết định số 1315/QĐ-UBND và điều chỉnh như sau:

Stt	Hạng mục	Đơn vị tính	Chỉ tiêu
I	Chỉ tiêu về sử dụng đất		
1	Đất nhà công vụ, nhà lưu trú (công nhân, chuyên gia)	%	1 - 5
2	Đất văn phòng điều hành, kiểm soát	%	1 - 6
3	Đất công trình dịch vụ	%	6 - 8
4	Đất kho hàng, bến bãi	%	≥ 55
5	Đất hạ tầng kỹ thuật	%	≥ 2
6	Đất cây xanh cách ly, cây xanh cảnh quan	%	≥ 10
II	Chỉ tiêu về mật độ xây dựng		
1	Nhà công vụ, nhà lưu trú (công nhân, chuyên gia)	%	40 - 60
2	Đất văn phòng điều hành, kiểm soát	%	40 - 60
3	Đất công trình dịch vụ	%	40 - 60
4	Đất kho hàng, bến bãi	%	≤ 40
5	Đất hạ tầng kỹ thuật	%	≤ 40
6	Đất cây xanh cách ly, cây xanh cảnh quan	%	≤ 5
III	Chỉ tiêu về tầng cao xây dựng tối đa		1 - 5
IV	Chỉ tiêu về hạ tầng kỹ thuật		
-	Giao thông	%	15 - 25
-	Cấp nước sinh hoạt	l/ng-ngđ	150
-	Cấp nước trung tâm logistics và cảng	m ³ /ha	30 - 40
-	Thoát nước thải sinh hoạt	Q	80% Q cấp
-	Rác thải sinh hoạt	kg/ng-ngđ	1
-	Cấp điện sinh hoạt	Kwh/ng/năm	750 - 1500
-	Thông tin liên lạc	Thuê bao/100 người	15 - 20

3. Quy hoạch sử dụng đất

3.1. Bảng tổng hợp quy hoạch sử dụng đất toàn khu

STT	Tên chức năng	Diện tích (ha)	Tỷ lệ (%)
1	Đất nhà công vụ, nhà lưu trú (công nhân, chuyên gia)	2,92	1,13
2	Đất văn phòng điều hành, kiểm soát	4,01	1,55
3	Đất công trình dịch vụ	20,38	7,86
4	Đất kho hàng, bến bãi	142,84	55,10

STT	Tên chức năng	Diện tích (ha)	Tỷ lệ (%)
5	Đất hạ tầng kỹ thuật	7,19	2,77
6	Đất cây xanh cách ly, cây xanh cảnh quan	25,92	10,00
7	Đất giao thông	55,96	21,59
	Tổng diện tích quy hoạch	259,22	100,00

3.2. Quy hoạch tổng mặt bằng sử dụng đất

Chi tiết theo Phụ lục đính kèm.

4. Tổ chức không gian kiến trúc cảnh quan theo thuyết minh quy hoạch.

5. Quy hoạch hệ thống hạ tầng kỹ thuật

a) Quy hoạch san nền, thoát nước mưa

- Cao độ san nền tuân thủ quy hoạch chung đô thị Trảng Bàng được duyệt, cao độ xây dựng Hxd $\geq 2,80$ m. Cao độ tim đường tại các ngã giao nhau được xác định trên cơ sở cao độ đã khống chế, quy hoạch mạng lưới cống thoát nước mưa, đảm bảo độ sâu chôn cống. Cao độ nền các ô đất đảm bảo thoát nước tự nhiên, phù hợp quy hoạch sử dụng đất và phân lưu thoát nước các ô đất.

- Hệ thống thoát nước mưa riêng hoàn toàn và hoạt động theo chế độ tự chảy. Toàn bộ khu vực quy hoạch được chia ra nhiều lưu vực thoát nước để thoát ra các khu vực thoát nước gần nhất. Bố trí các giếng thu gom nước mưa, nước mưa được thu gom tại các trục đường giao thông dẫn ra các cửa xả. Trên các trục đường sẽ xây dựng các tuyến cống tròn BTCT D 600 đến D 2000 để thu nước mặt đường, công trình chảy vào, sau đó được thoát trực tiếp ra sông Sài Gòn.

b) Quy hoạch hệ thống giao thông:

- Đường trục chính (mặt cắt 1-1), lộ giới 30,5m (4m+22,5m+4m).

- Các tuyến đường nội bộ (mặt cắt 2-2), lộ giới 26,5m (4m + 22,5m); (mặt cắt 3-3), lộ giới 23m (4m + 15m + 4m).

- Giao thông tĩnh: 02 bãi xe tập trung phục vụ khách bố trí tại phía Tây khu đất và tại phía Bắc khu đất với tổng quy mô 2,81 ha.

- Chỉ giới đường đỏ, chỉ giới xây dựng, hành lang bảo vệ tuyến hạ tầng kỹ thuật:

+ Chỉ giới đường đỏ trên bản vẽ được xác định trên cơ sở tọa độ tim đường, mặt cắt ngang điển hình để xác định sơ bộ hướng tuyến mạng lưới đường quy hoạch. Cụ thể sẽ được xác định theo quy hoạch chi tiết được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

+ Chỉ giới xây dựng cụ thể của từng công trình được xác định theo cấp đường quy hoạch theo quy định của Quy chuẩn xây dựng và được quy định tại quy hoạch chi tiết.

+ Hành lang bảo vệ các tuyến hạ tầng kỹ thuật: Tuân thủ theo đúng Tiêu chuẩn quy phạm ngành và Quy chuẩn xây dựng Việt Nam được quy định tại quy hoạch chi tiết.

c) Quy hoạch cấp nước:

- Theo quy hoạch chung, khu vực sẽ sử dụng nước từ trạm cấp nước Phước Đông, công suất dự kiến 30.000 m³/ng.đêm (Chi tiết sẽ được nghiên cứu tại đồ án quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 và dự án đầu tư xây dựng chủ đầu tư sẽ thỏa thuận đầu nối).

- Xây dựng mạng lưới ống truyền tải có đường kính D200 và mạng lưới ống phân phối có đường kính D110 được thiết kế đầu nối với mạng lưới truyền dẫn bằng một số điểm đầu thích hợp và phân chia thành nhiều khu vực nhỏ có mạng phân phối độc lập cấu trúc theo dạng mạch vòng, những khu vực nhỏ và dùng nước ít sẽ bố trí mạch nhánh.

- Ống cấp nước được ưu tiên bố trí trên vỉa hè và dọc theo các tuyến đường trong khu quy hoạch. Mạng lưới ống cấp được đảm bảo lưu lượng, áp lực cho tất cả các điểm lấy nước, đảm bảo việc giao cắt với các đường ống khác của khu vực quy hoạch.

- Cấp nước chữa cháy: Thực hiện theo nguyên tắc các họng cứu hỏa được đầu nối vào các tuyến ống cấp nước có đường kính D200. Các trụ được bố trí trên vỉa hè tại các giao lộ. Khoảng cách các họng cứu hỏa trên mạng lưới bố trí theo quy định. Chi tiết sẽ được nghiên cứu tại đồ án quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 và dự án đầu tư xây dựng.

d) Quy hoạch thoát nước thải và vệ sinh môi trường:

- Tổng lưu lượng nước thải của khu quy hoạch khoảng 3.000 m³/ng.đ.

- Hệ thống thoát nước thải: Là hệ thống riêng hoàn toàn được chia thành các lưu vực gom về các nhà máy xử lý nước thải trong khu vực dự án để xử lý đạt tiêu chuẩn trước khi thoát ra sông Sài Gòn. Mạng lưới cống có đường kính D600 được thiết kế đảm bảo thu gom được hết nước thải từ các lô kho, nhà, các công trình trong toàn khu, xử lý đạt yêu cầu chất lượng QCVN 40:2011/BTNMT.

- Với tổng lượng chất thải rắn toàn khu khoảng 53,09 tấn/ngày. Chất thải rắn sẽ được phân loại ngay tại khu vực dự án trước khi được vận chuyển đến khu xử lý chất thải rắn tập trung của tỉnh theo quy hoạch chuyên ngành. Chất thải rắn chủ yếu là chất công nghiệp: Thành phần chính là các loại bao bì, hộp nhựa, nhựa, cao su, giấy, thủy tinh, kim loại,... dạng chất hữu cơ khó phân hủy và rác từ hệ thống thu gom xử lý nước thải,...

- Bố trí các thùng rác công cộng tại các khu vực: Khu văn phòng điều hành, dịch vụ, khu nhà ở công nhân và chuyên gia,.... Các loại rác như thùng carton, giấy, nhựa, thủy tinh, kim loại có khả năng tái chế thì được thu gom và bán lại cho các đơn vị thu gom phế liệu để tái chế. Các loại rác thải nguy hại như bóng đèn thủy tinh, hóa chất,... sẽ được thu gom riêng và xử lý chất thải nguy hại.

- Đối với bùn thải từ bể tự hoại và từ hệ thống xử lý nước thải tập trung sẽ ký hợp đồng với đơn vị có chứa năng định kỳ hút đi xử lý.

đ) Quy hoạch cấp điện:

- Nguồn cấp: Từ trạm biến áp 110kV Trảng Bàng 40+63 MVA được cấp điện qua tuyến trung thế 22kV trên trục đường tỉnh 789 cấp cho khu quy hoạch.

- Mạng lưới điện: Từ trạm 110kV Trảng Bàng, sẽ có tuyến 22kV cấp điện cho các phụ tải (nhà kho, khu dịch vụ, khu nhà ở lưu trú...). Các trạm hạ thế cấp điện

chuyên dùng cho các khu văn phòng điều hành, công trình dịch vụ, kho hàng, bến bãi, khu hạ tầng kỹ thuật, ... sẽ được xác định trong giai đoạn triển khai đầu tư xây dựng dự án.

- Xây dựng lưới hạ thế 0,4kV cấp điện cho chiếu sáng đèn đường thiết kế đi ngầm dọc theo hệ đường quy hoạch.

e) Quy hoạch hệ thống thông tin liên lạc chi tiết theo thuyết minh đồ án.

g) Đánh giá môi trường chiến lược:

- Xác định nguồn gây ô nhiễm và khoảng cách ly, mức độ tác động tích cực, tiêu cực trong giai đoạn thi công xây dựng và vận hành khai thác sử dụng.

- Các biện pháp giảm thiểu ô nhiễm và kiểm soát môi trường. Hạn chế nguồn gây ô nhiễm không khí, tiếng ồn bằng thiết bị công nghệ hiện đại, thân thiện môi trường.

- Bảo vệ môi trường nước mặt:

+ Nước thải phát sinh phải được xử lý đạt tiêu chuẩn của nhà máy xử lý nước thải tập trung. Toàn bộ nước thải phải được xử lý đảm bảo theo hệ thống quản lý và bảo vệ môi trường theo Bộ tiêu chuẩn ISO14000 trước khi thải ra môi trường tiếp nhận;

+ Rác thải phải được phân loại ngay tại nguồn phát sinh trước khi được thu gom về khu xử lý chất thải rắn để xử lý.

+ Kế hoạch giám sát môi trường về kỹ thuật, quản lý và quan trắc môi trường: Tiến hành quan trắc, giám sát môi trường không khí, nước thải,... phải theo đúng nội dung nêu trong Báo cáo đánh giá môi trường chiến lược, chấp hành chế độ thanh tra, kiểm tra về bảo vệ môi trường theo quy định.

h) Ban hành kèm theo Quyết định này là các bản vẽ, thuyết minh và Quy định quản lý xây dựng theo đồ án Quy hoạch phân khu tỷ lệ 1/2.000 Trung tâm Logistics, cảng cạn ICD và cảng tổng hợp tại xã Hưng Thuận, thị xã Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh.

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Trách nhiệm của Ủy ban nhân dân thị xã Trảng Bàng

a) Công bố công khai quy hoạch phân khu; tiến hành cắm mốc giới quy hoạch phân khu Trung tâm Logistics, cảng cạn ICD và cảng tổng hợp theo quy định.

b) Cập nhật ranh giới diện tích quy hoạch phân khu Trung tâm Logistics, cảng cạn ICD và cảng tổng hợp vào quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất của thị xã phù hợp với từng thời kỳ. Xây dựng lộ trình thu hồi đất để triển khai quy hoạch phân khu theo quy định.

c) Quản lý theo Quy định quản lý xây dựng theo quy hoạch phân khu được duyệt.

2. Trách nhiệm của Sở Kế hoạch và Đầu tư

Căn cứ chức năng, nhiệm vụ, tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh triển khai lựa chọn nhà đầu tư thực hiện Dự án đầu tư có sử dụng đất để xây dựng Trung tâm

Logistics, cảng cạn ICD và cảng tổng hợp tại xã Hưng Thuận, thị xã Trảng Bàng theo quy định.

3. Các Sở, ngành liên quan căn cứ chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn có trách nhiệm phối hợp, giám sát, tạo điều kiện triển khai thực hiện quy hoạch phân khu.

Điều 3. Hiệu lực thi hành

Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 4. Trách nhiệm thi hành

Chánh Văn phòng Đoàn Đại biểu Quốc hội, Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc các Sở: Xây dựng, Kế hoạch và Đầu tư, Tài nguyên và Môi trường, Giao thông Vận tải; Thủ trưởng các sở, ban, ngành có liên quan; Chủ tịch UBND thị xã Trảng Bàng; Chủ tịch UBND xã Hưng Thuận và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành./.

Nơi nhận:

- Như Điều 4;
- Chủ tịch, các PCT.UBND tỉnh;
- CVP, PVP Nhung, Long, KTTC;
- Lưu VT. VP Đoàn ĐBQH, HĐND và UBND tỉnh.

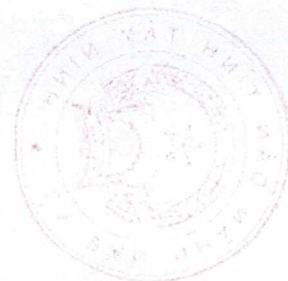
binhh_t_QDUB_155 40

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN

CHỦ TỊCH



Nguyễn Mạnh Hùng



Phụ lục. Bảng tổng hợp quy hoạch sử dụng đất theo từng phân khu chức năng



Stt	Hạng mục	Ký hiệu	Diện tích (ha)	Tỷ lệ (%)	Mật độ XD (%)		Tầng cao(Tầng)		HSSDD
					Tối thiểu	Tối đa	Tối thiểu	Tối đa	
A	Cảng cạn		48,94	18,88					
1	Đất văn phòng điều hành, kiểm soát	VP	1,99	0,77	40	60	1	5	3,00
2	Đất kho, bãi hàng	KB	31,52	12,16	30	60	1	2	1,20
3	Đất bến cảng	B	2,48	0,96	-	-	-	-	-
4	Đất hạ tầng kỹ thuật	HT	0,64	0,25	30	40	1	3	1,20
5	Đất cây xanh cách ly, cây xanh cảnh quan	CX	2,02	0,78	0	5	0	1	0,05
6	Đất giao thông		10,29	3,97					
B	Trung tâm Logistics		159,70	61,61					
1	Đất nhà ở lưu trú công nhân và chuyên gia	O	2,92	1,13	40	60	1	5	3,00
2	Đất văn phòng điều hành, kiểm soát	VP	1,40	0,54	40	60	1	5	3,00
3	Đất công trình thương mại dịch vụ	TM	10,23	3,95	40	60	1	5	3,00
4	Đất kho, bãi Logistic	L	86,13	33,23	30	60	1	2	1,20
5	Đất bến cảng	B	1,26	0,49	-	-	-	-	-
6	Đất bãi xe	BX	2,36	0,91	10	40	0	1	0,40
7	Đất hạ tầng kỹ thuật	HT	3,43	1,32	30	40	1	3	1,20
8	Đất cây xanh cách ly, cây xanh cảnh quan	CX	19,28	7,44	0	5	0	1	0,05
9	Đất giao thông		32,69	12,61					
C	Cảng tổng hợp		50,58	19,51					
1	Đất văn phòng điều hành, kiểm soát	VP	0,62	0,24	40	60	1	5	3,00
2	Đất công trình thương mại dịch vụ	TM	3,80	1,47	40	60	1	5	3,00
3	Đất kho, bãi hàng	KB	15,25	5,88	30	60	1	2	1,20
4	Đất dịch vụ hậu cần cảng tổng hợp	HC	6,35	2,45	30	60	1	2	1,20
5	Đất bến cảng	B	3,39	1,31	-	-	-	-	-
6	Đất bãi xe	BX	0,45	0,17	10	40	0	1	0,40
7	Đất hạ tầng kỹ thuật	HT	3,12	1,20	30	40	1	3	1,20
8	Đất cây xanh cách ly, cây xanh cảnh quan	CX	4,62	1,78	0	5	0	1	0,05
9	Đất giao thông		12,98	5,01					
	TỔNG CỘNG		259,22	100,00					